

Số: /BTNMT-TĐKTTT

V/v hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua
và công tác xét khen thưởng năm 2020

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Kính gửi:

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trưởng, Phó các Khối, Cụm thi đua năm 2020.

Thiết thực chào mừng các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và của ngành tài nguyên và môi trường trong năm 2020, năm có ý nghĩa quan trọng, quyết định việc hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, ngày 22 tháng 01 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phát động đợt thi đua đặc biệt với chủ đề **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”**.

Để có cơ sở tổng kết phong trào thi đua và xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn như sau:

I. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA, XÉT KHEN THƯỞNG

1. Chấm điểm thi đua

1.1. Đối với tập thể: 1.000 điểm

- Có phong trào thi đua thiết thực, gắn với nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách năm 2020 của cơ quan, đơn vị và của Ngành: Tối đa 150 điểm.

- Có nhiều sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ dám làm trong quản lý, chỉ đạo điều hành; trong công tác, lao động và học tập tạo ra bứt phá phát triển mạnh mẽ có những đóng góp quan trọng cho cơ quan, đơn vị, cho Ngành và đất nước: Tối đa 150 điểm.

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả: không có nhiệm vụ quá hạn của năm, tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn hằng tháng đạt mức trên 90%: Tối đa 150 điểm.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính, giảm thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp...: Tối đa 150 điểm.

- Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định văn hóa công sở và nội quy của cơ quan, đơn vị: không đi muộn về sớm; không uống rượu bia, hút thuốc lá tại nơi làm việc; không sử dụng tài sản công vào việc riêng: Tối đa 150 điểm.

- Không để xảy ra sự cố nổi cộm trong lĩnh vực quản lý của đơn vị: Tối đa 150 điểm.

- Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động: Tối đa 100 điểm.

1.2. Đối với cá nhân: 1000 điểm

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: Tối đa 250 điểm.

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua; có đạo đức, lối sống lành mạnh: Tối đa 200 điểm.

- Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tối đa 150 điểm.

- Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ; có giải pháp công tác hoặc giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ đề nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác: Tối đa 250 điểm.

- Thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy định văn hóa công sở và nội quy của cơ quan, đơn vị: không đi muộn về sớm; không uống rượu bia, hút thuốc lá tại nơi làm việc; không sử dụng tài sản công vào việc riêng: Tối đa 150 điểm.

2. Nguyên tắc chấm điểm

Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ, tiêu chí thi đua của phong trào, đối chiếu với thành tích đạt được, các tập thể, cá nhân tự chấm điểm. Cụ thể:

- Đối với tập thể: Lãnh đạo đơn vị tự chấm điểm cho các tập thể, đơn vị mình phụ trách; báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị xem xét, trình Thủ trưởng đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ khen thưởng theo quy định.

- Đối với cá nhân: Cá nhân tự chấm điểm theo số điểm cho các tiêu chí thi đua của phong trào; báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ khen thưởng theo quy định.

Những tập thể, cá nhân có số điểm từ 800 điểm trở lên mới được xem xét, đánh giá thành tích để đề xuất khen thưởng.

3. Công tác xét khen thưởng

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Khối trưởng, Cụm trưởng các Khối, Cụm thi đua tổ chức tổng kết công tác thi đua, bình xét khen thưởng năm 2020 theo quy định. Trong quá trình tổng kết, xét khen thưởng cần quan tâm, động viên, biểu dương, khen thưởng kịp thời những thành tích đạt được của các tập thể, cá nhân lao động trực tiếp, khen thưởng đột xuất những thành tích thực sự tiêu biểu và có tính lan tỏa sâu rộng trong toàn đơn vị và Ngành.

Các đơn vị cần chú trọng thực hiện việc sơ kết, tổng kết và báo cáo đánh giá kết quả triển khai phong trào **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”**. Thủ trưởng đơn vị xem xét, lựa chọn các tập thể, cá nhân thực sự có thành tích xuất sắc trong phong trào để biểu dương khen

thường theo thẩm quyền hoặc trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

4. Sáng kiến và quyết định công nhận sáng kiến

Để có căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các cá nhân thuộc phạm vi quản lý, Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo việc xét và quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở; xét, trình Hội đồng sáng kiến cấp Bộ xét, trình Bộ trưởng công nhận sáng kiến cấp Bộ và đề nghị cấp toàn quốc cho các cá nhân theo quy định.

5. Phân bổ chỉ tiêu

Phân bổ chỉ tiêu các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định. Riêng các trường hợp dưới đây chỉ tiêu phân bổ cụ thể như sau:

- Phân bổ chỉ tiêu Cờ Thi đua của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Cờ Thi đua của Chính phủ (Phụ lục 01).

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- + Bằng khen của Bộ trưởng cho thành tích toàn diện cho các tập thể và cá nhân thuộc Bộ (Phụ lục 02).

- + Bằng khen Bộ trưởng cho thành tích trong phong trào thi đua theo chuyên đề do các đơn vị và các Sở phát động nhằm hưởng ứng chủ đề **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả”**(Phụ lục 03):

Chỉ tiêu này áp dụng cho tất cả tập thể, cá nhân của các đơn vị và các Sở Tài nguyên và Môi trường. Các Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, đề xuất khen thưởng đối với ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương (bao gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, cán bộ tài nguyên và môi trường cấp xã).

Ngoài ra, việc xét khen thưởng khi sơ kết, tổng kết thực hiện các phong trào: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020; “Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành tài nguyên và môi trường thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 – 2025; “Hiển kế, đề xuất giải pháp, ý tưởng sáng tạo” các đơn vị thực hiện theo tiêu chí và chỉ tiêu quy định đối với từng phong trào.

II. THỦ TỤC, HỒ SƠ

- Thẩm quyền, thủ tục hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 21/2008/TT-BTNMT.

- Hồ sơ gửi về Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền) chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2020. Riêng hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các đơn vị được các Khối, Cụm thi đua bình xét chậm nhất ngày 20 tháng 12 năm 2020.

(Bộ sẽ không khen thưởng cho các tập thể và cá nhân gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian theo quy định)

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ về Bộ (qua Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền) để hướng dẫn tổ chức thực hiện hoặc điều chỉnh, bổ sung hướng dẫn cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội CCB cơ quan Bộ;
- Lưu VT, TĐKTTT, V.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Phương Hoa

Phụ lục số 01
PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CỜ THI ĐUA

(Ban hành theo Công văn số: /BTNMT-TĐKTTT ngày tháng năm 2020
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. CỜ THI ĐUA CỦA BỘ: 70 Cờ

STT	Đơn vị	Số lượng
A	Khối, Cụm thi đua	23
1.	Khối thi đua số I	02
2.	Khối thi đua số II	02
3.	Khối thi đua số III	02
4.	Khối thi đua số IV	02
5.	Khối thi đua số V	02
6.	Khối thi đua số VI	02
7.	Cụm thi đua số I	02
8.	Cụm thi đua số II	02
9.	Cụm thi đua số III	01
10.	Cụm thi đua số IV	01
11.	Cụm thi đua số V	01
12.	Cụm thi đua số VI	01
13.	Cụm thi đua số VII	01
14.	Cụm thi đua số VIII	01
15.	Cụm thi đua số IX	01
B	Các đơn vị trực thuộc Bộ	47
1.	Khối các tổ chức trực thuộc Văn phòng Bộ	01
2.	Khối các tổ chức trực thuộc Thanh tra Bộ	01
3.	Khối các tổ chức trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	02
4.	Khối các tổ chức trực thuộc Tổng cục Môi trường	03
5.	Khối các tổ chức trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	04
6.	Khối các tổ chức trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai	03
7.	Khối các tổ chức trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn	04
8.	Khối các tổ chức trực thuộc Cục Biến đổi khí hậu	02
9.	Khối các tổ chức trực thuộc Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu Tài nguyên môi trường	02
10.	Khối các tổ chức trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	02
11.	Khối các tổ chức trực thuộc Cục Quản lý tài nguyên nước	01
12.	Khối các tổ chức trực thuộc Cục Viễn thám quốc gia	02
13.	Khối các tổ chức trực thuộc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	02
14.	Khối các tổ chức trực thuộc Viện Chiến lược Chính sách TN&MT	01
15.	Khối các tổ chức trực thuộc Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	02
16.	Khối các tổ chức trực thuộc Viện KH Địa chất và Khoáng sản	02

17.	Khôi các tổ chức trực thuộc Viện Khoa học KTTV và BDKH	02
18.	Khôi các tổ chức trực thuộc Trường ĐH TN&MT Hà Nội	03
19.	Khôi các tổ chức trực thuộc Trường ĐH TN&MT TP Hồ Chí Minh	02
20.	Khôi các tổ chức trực thuộc Công ty TNHH MTV TN&MT Việt Nam	03
21.	Khôi các tổ chức trực thuộc Công ty TNHH MTV TN&MT miền Nam	02
22.	Khôi các tổ chức trực thuộc Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản TN&MT và Bản đồ Việt Nam	01

II. CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ:

14 Cờ

STT	Đơn vị	Số lượng
1.	Khôi thi đua số I	01
2.	Khôi thi đua số II	01
3.	Khôi thi đua số III	01
4.	Khôi thi đua số IV	01
5.	Khôi thi đua số V	01
6.	Khôi thi đua số VI	01
7.	Khôi các tổ chức trực thuộc Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	01
8.	Khôi các tổ chức trực thuộc Tổng cục Môi trường	01
9.	Khôi các tổ chức trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	01
10.	Khôi các tổ chức trực thuộc Tổng cục Quản lý đất đai	01
11.	Khôi các tổ chức trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn	01
12.	Khôi các tổ chức trực thuộc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	01
13.	Khôi các tổ chức trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	01
14.	Khôi các tổ chức trực thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tài nguyên và Môi trường miền Nam	01

(Lưu ý: Những đơn vị đã được Khôi thi đua bình xét Cờ thi đua của Chính phủ, thì không đề xuất Cờ thi đua Chính phủ cho tổ chức trực thuộc, chỉ tiêu này được Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét chuyển cho đơn vị khác).

Phụ lục số 02

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VỀ KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH THƯỜNG XUYÊN

(Ban hành theo Công văn số: /BTNMT-TĐKTTT ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đơn vị	Số lượng Bằng khen (tập thể hoặc cá nhân)
1.	Dưới 50 người	01
2.	Từ 51 đến 100 người	Tối đa 02
3.	Từ 101 đến 200 người	Tối đa 03
4.	Từ 201 đến 300 người	Tối đa 04
5.	Từ 301 đến 400 người	Tối đa 05
6.	Từ 401 đến 500 người	Tối đa 06
7.	Từ 501 đến 600 người	Tối đa 07
8.	Từ 601 đến 700 người	Tối đa 08
9.	Từ 701 đến 800 người	Tối đa 09
10.	Từ 801 đến 900 người	Tối đa 10
11.	Từ 901 đến 1000 người	Tối đa 12
12.	Từ 1001 đến 1500 người	Tối đa 14
13.	Từ 1500 người trở lên	Tối đa 16

Phụ lục số 03

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VỀ KHEN THƯỞNG CHUYÊN ĐỀ**
Phong trào “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”

(Ban hành theo Công văn số: /BTNMT-TĐKTTT ngày tháng năm 2020
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc đơn vị	Số lượng Bằng khen (tập thể hoặc cá nhân)
1.	Dưới 50 người	01
2.	Từ 51 đến 100 người	Tối đa 02
3.	Từ 101 đến 300 người	Tối đa 03
4.	Từ 301 đến 500 người	Tối đa 04
5.	Từ 501 đến 1000 người	Tối đa 05
6.	Từ 1001 đến 1500 người	Tối đa 06
7.	Từ 1501 đến 2000 người	Tối đa 07
8.	Từ 2001 người trở lên	Tối đa 08